1. THIẾT BỊ SẤY

2. THIẾT BỊ PHÂN TÍCH T/RH

HÃNG UNIS – ĐÀI LOAN

NHÀ PHÂN PHỐI : SOLUTION Co.

1. BUỒNG THÍ NGHIỆM - PHÂN TÍCH - ĐIỀU CHỈNH NHIỆT ĐỘ - ĐỘ ẨM

1. Buồng Phân tích – Thí nghiệm – Điều chỉnh nhiệt độ (T), độ ẩm (RH)

Mô tả :

Thiết bị điều chỉnh nhiệt độ và độ ẩm trong buồng thí nghiệm nhằm tạo ra sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm giống điều kiện môi trường không khí thực tế. Thiết bị dùng để kiểm nghiệm và thí nghiệm khả năng đáp ứng các điều kiện môi trường khác nhau của sản phẩm. Thiết bị dùng cho các phòng KCS, kiểm thử chất lượng sản phẩm phục vụ cải tiến kỹ thuật sản xuất.

Đặc tính :

❑ Màn hình điều khiển và bộ điều khiển công nghiệp dễ dàng vận hành và khắc phục sự cố.

❑ Dễ dàng cài đặt các thông số nhiệt độ - độ ẩm.

❑ Thiết kế tối ưu đảm bảo khả năng ổn định và chính xác thông số nhiệt độ và độ ẩm như mong muốn

❑ Hệ thống cấp nước tự động

❑ Chức năng cảnh báo mức nước thùng chứa thấp

❑ Vỏ thép sản xuất từ thép SUS304 phủ sơn tĩnh điện.

❑ Cổng kết nối RS232 or RS485 cho phép kết nối máy tính truyền dữ liệu, lưu trữ và phân tích trên phần mềm cài đặt trong máy tính.

❑ Cổng kết nối mở rộng USB2.0 tăng khả năng lựa chọn lưu trữ dữ liệu

MODEL	EHT-1	EHT-3	EHT-5
Kích thước trong (WxDxH) mm	500x500x600	600x800x850	1000x1000x1000
Kích thước ngoài (WxDxH) mm	1170x820x1560	1270x1120x1670	1670x1320x1860
Nhiệt độ điều chỉnh	-40ºC ~ +120ºC		
Độ ẩm điều chỉnh	20%RH ~ 95%RH		
Thời gian điều chỉnh	0 hour 1 min ~ 999 hour 59 min		
Độ phân giải NĐ, ĐÂ	0.01ºC/min, 0.1%RH/min		
Sai số	±0.3ºC; ±3.0%RH		
Nhiệt độ môi trường	20ºC~30ºC		

2. Buồng mô phỏng phun nước – kiểm tra kín khít của sản phẩm

Mô tả :

Phòng thử nghiệm phun nước được sử dụng để mô phỏng và xác định khả năng chị nước : độ kín khít và chống thấm của mẫu vật. Ví dụ, đèn chiếu sáng của xe, hiệu suất của gạt nước, độ kín khít bảng điều khiển của xe gắn máy, hệ thống điều khiển công nghiệp quốc phòng, tên lửa, anten của radar, ngành công nghiệp hàng không và của thiết bị điện.

Đặc tính :

- ❑ Màn hình cảm ứng dễ dàng sử dụng và kiểm soát sự cố.
- ❑ Thiết bị được vận hành tự động, các chức năng cài đặt theo chu trình
- ❑ Lưu lượng nước phun được điều khiển chính xác dựa vào công nghệ biến tần – động cơ bơm..
- ❑ Thiết kế tối ưu tăng khả năng chống ồn
- ❑ Cửa sổ rộng dễ quan sát, tiện dụng
- ❑ Hệ thống tự động chuẩn đoán và báo lỗi
- ❑ Đáp ứng các tiêu chuẩn thế giới : IEC 60529, ISO 16750, GB 4208, JIS D0203 D0205, SAE J575e, CNS 7138.

MODEL	EWT-201		EWT-202		EWT-203	
Kích thước trong buồng (WxDxH) mm	1000x1000x1000		1000x1000x1000		1000x1000x1000	
Kích thước bên ngoài (WxDxH) mm	1450x1300x2000		1450x1300x2000		1450x1300x2000	
Nhiệt độ điều chỉnh	Chamber(RT~120ºC) Water(13ºC~RT)					
Khả năng thử	R1	1.9L/min	IPX1	within 1~1.05L/min	IPX3	0.07L/min x Nozzle
	R2	3.2L/min				
	S1	24.5L/min	IPX2	within 3~3.05L/min	IPX4	0.07L/min x Nozzle
	S2	39.2L/min				
Áp suất nước	1 ~ 7kg/cm^2 (adjustable)					
Tốc độ vòng quay của bàn quay	1 ~ 17 RPM (adjustable)					

3. Buồng thử nghiệm

- thay đổi nhiệt độ đột ngột

Mô tả :

Phòng thử nghiệm sốc nhiệt điện trở của mẫu vật để thay đổi nhiệt độ đột ngột buồng thử nghiệm. Thiết bị được ứng dụng rộng rãi trong việc kiểm thử linh kiện điện tử và bán dẫn, kim loại, vật liệu, hóa chất, ..v…v

Đặc tính :

- ❑ Màn hình điều khiển cảm ứng hiển thị màu – dễ dàng sử dụng và chuẩn đoán lỗi.
- ❑ Hiển thị thời gian thực và biểu đồ toàn bộ quá trình thử nghiệm.
- ❑ Cài đặt nhiệt độ đơn giản.
- ❑ Chỉ thị sự biến đổi trên biểu đò thời gian thực.
- ❑ Lưu trữ các sai số điều chỉnh.
- ❑ Chất làm lạnh HFC thân thiện với môi trường, Hệ thống làm lạnh sử dụng bộ truyền nhiệt với hai cấp điều chỉnh. .
- ❑ Đáp ứng các tiêu chuẩn MIL, IEC, JIS norms.
- ❑ Lựa chọn : Chất làm lạnh LN2V nitrogen được sử dụng

MODEL	ETS-40	ETS-50
Kích thước trong buồng sấy : (WxDxH) mm	500x400x400	600x500x500
Kích thước ngoài buồng sấy : (WxDxH) mm	1710x1530x2000	1810x1630x2100
Nhiệt độ điều chỉnh đột ngột	-40ºC ~ +150ºC	
Thời gian điều chỉnh	0 hour 1 min ~ 9999 hour 59 min	
Sai số nhiệt độ :	±1.5ºC	
Giá :		

4. Buồng kiểm tra sự lão hóa của vật phẩm

– Có khí tuần hoàn

Mô tả :

Buồng kiểm tra sự lão hóa của vật phẩm không như Cao su, nhựa ,…hoạt động bắt buộc cần sự tuần hoàn của không khí tự nhiên theo từng chu kỳ - khác với các buồng sấy bình thường.

Đặc tính :

❑ Hệ thống tuần hoàn khí nhiều chiều và phân bố đều trên toàn bộ không gian của buồng.

❑ Bộ điều khiển tích hợp chắc năng đáp ứng thuật toán điều khiển PID, và thiết bị chấp hành SCR.

❑ Đồng hồ số - chỉ thị công suất tiêu thụ.

❑ Bề mặt bên trong sử dụng tấm thép SUS304 dầy 1mm .

❑ Bề mặt bên ngoài sử dụng thép sơn tĩnh điện.

❑ Lưu lượng khí tuần hoàn điều chỉnh với số lượng chu trình 3~250 cyc/ Hr.

❑ Đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế : JIS-K7212 K6723 K6301, ASTM-D2436 D573, UL-746B, IEC-540, BS-6746 903, ISO/DIS 4577.

❑ Lựa chọn : Khí nitrogen lỏng LN2V cho thiết bị làm lạnh.

MODEL		EAV-241	EAV-242
Kích thước trong buồng (WxDxH) mm		450x450x500	500x500x600
Kích thước ngoài (WxDxH) mm		1150x800x1400	1300x950x1500
Giới hạn nhiệt độ điều chỉnh		RT+10ºC ~ 300ºC	
Temperature Uniformity		(300ºC) ±3ºC	
Vật liệu	Bên trong	Thép SUS304 không rỉ	
	Bên ngoài	Thép SECC + Sơn tĩnh điện	
	Cách nhiệt	Fiberglass wool + Ceramic fiber + Rock wool	
Bộ điều khiển + Chấp hành		P.I.D + SCR	
Chu kỳ thay đổi khí		3~250 Chu kỳ /giờ	
Công suất tiêu thụ tối đa.		7 KW	10 KW

5. Buồng Phân tích – Thí nghiệm – Điều chỉnh nhiệt độ (T), độ ẩm (RH)

- Đáp ứng sản phẩm kích thước lớn.

Mô tả :

Buồng thử nghiệm điều chỉnh nhiệt độ độ ẩm kích thước lớn được sử dụng để thí nghiệm độ chịu nhiệt và ẩm của các vật phẩm có kích thước lớn. Ví dụ như các thiết bị lắp ráp Ô tô, máy bay , .., etc.

Đặc tính :

❑ Hệ thống điều khiển tích hợp màn hình cảm ứng.

❑ Dễ dàng cài đặt các thông số nhiệt độ và độ ẩm.

❑ Thiết kế tối ưu nhằm đạt được các thông số nhiệt độ và độ ẩm ổn định và chính xác.

❑ Máy làm lạnh sử dụng dung môi thân thiện với môi trường.

❑ Vỏ bọc bên trong sử dụng théo không rỉ SUS304.

❑ Buồng sấy được gia cố bằng thép không gỉ

❑ Hệ thống cung cấp nước và thẩm thấu ngược công suất lớn

❑ Cảnh báo cấm vận hành khi có người bên trong buồng.

❑ Cổng giao tiếp chuẩn RS232 or RS485 cho phép kết nối mạng và kết nối máy tính thu thập dữ liệu và phan tích.

❑ Cổng kết nối mở rộng USB2.0 tăng khả năng lưu trữ dữ liệu linh hoạt.

MODEL	EHW-1	EHW-2
Kích thước bên trong buồng sấy (WxDxH) mm	2100x2050x2100	3000x2050x2100
Kích thước bên ngoài buồng sấy (WxDxH) mm	-	-
Giới hạn nhiệt độ điều chỉnh	-40ºC ~ +80ºC	
Giới hạn độ ẩm điều chỉnh	20%RH ~ 95%RH	
Thời gian làm việc	0 hour 1 min ~ 999 hour 59 min	
Độ phân giải nhiệt độ và độ ẩm	0.01ºC/min, 0.1%RH/min	
Sai số điều chỉnh	±0.3ºC; ±3.0%RH	
Nhiệt độ môi trường làm việc	20ºC~30ºC	
Giá :		

6. Buồng kiểm tra khả năng chịu bụi bẩn của vật phẩm

Mô tả :

Là thiết bị tạo tạo ra môi trường bụi bận bên trong buồng thử nghiệm để kiểm tra khả năng chị bụi bẩn của các thiết bị, vật phẩm. Ví dụ, đèn xe, Bảng điều khiển, thiết bị điện, khóa cửa, etc. Có hai loại máy kiểm tra khả năng chịu bẩn : Loại (F) Bụi bay tự do trong không gian tĩnh và (C) Bụi lưu thông theo một dòng cố định với một tốc độ chuyển động nhất định

Đặc tính :

❑ Cửa sổ kích thước rộng cho phép dễ dàng quan sát bên trong

❑ Sử dụng các khay dạng lưới tăng khả năng tiếp cận bụi của vật phẩm.

❑ Thiết bị loại C sử dụng bơm thổi tuần hoàn điều khiển bởi công nghệ biến tần kết hợp với cảm biến lưu lượng, tốc độ gió chính xác.

❑ Hệ thống điều khiển áp suất dư ổn định và chính xác.

❑ Chức năng chỉ thị lỗi, Cổng giao tiếp USB 2.0 cho phép lưu trữ dữ liệu linh hoạt và tiện lợi.

❑ Màng lọc bụi có độ phân giải cao.

MODEL	EDT-7F			EDT-7C	
Kích thước trong buồng (WxDxH) mm	900x900x900			900x900x900	
Kích thước ngoài (WxDxH) mm	1550x1300x1800			1550x1300x1800	
Nhiệt độ điều chỉnh :	20ºC±5ºC				
Độ ẩm điều chỉnh :	45%~85%RH				
Hàm lượng bụi cho phép	F1	F2	F3	IP6X	IP5X
	60000 mg/m^3	3000 mg/m^3	100 mg/m^3	5000 mg/m^3 5m/sec	100 mg/m^3 10m/sec
Chu kỳ kiểm tra :	Time Control 0 ~ 999 sec 0 ~ 99 HR			Time Control 0 ~ 99 HR	
Điện áp sử dụng :	220V 1P 50/60HZ				
Giá :					

7. Buồng kiểm tra sự lão hóa của vật phẩm

– Không có khí tuần hoàn

Mô tả :

Phòng thử nghiệm lão hóa được sử dụng để thử nghiệm độ bền và tính chất biến đổi của vật phẩm : khả năng chịu lực căng, kéo dài, vv của nhựa và các sản phẩm cao su khi bị nung nóng ở trong tình trạng quay trong một thời gian quy định. Theo tính toán, một ngày thử nghiệm ở 70 ° C tương đương với vật phẩm ở trạng thái tiếp xúc với không khí bình thường trong vòng 6 tháng.

Đặc tính :

❑ Hệ điều khiển nhiệt độ : Thuật toán PID, PV/SV hiển thị đồng thời.

❑ Nhiệt độ điều chỉnh : RT (room temperature)+20ºC~260ºC

MODEL	EAT-50	EAT-60
Kích thước trong (WxDxH) mm	400x400x500	500x500x600
Kích thước ngoài (WxDxH) mm	870x490x1190	900x550x1220
Nhiệt độ điều chỉnh	RT (Room Temp.) +20ºC ~ +260ºC	
Hệ điều khiển	P.I.D+SSR	
Motor	1/4 HP	1/2 HP
Nguồn điện	220V 2KW	220V/380V 3KW
Giá :		

8. Buồng phun muối – Thử nghiệm ăn mòn kim loại

Mô tả :

Phòng thử nghiệm phun muối được sử dụng để tạo ra và duy trì môi trường thử nghiệm phun muối và thử nghiệm chống ăn mòn của các vật liệu khác nhau sau khi xử lý bề mặt.

Đặc tính :

❑ Sử dụng hệ thống cấp nước tự động và cảnh báo mức nước nước thấp tránh tình trạng gián đoạn trong quá trình kiểm tra

❑ Thân và tấm bảo vệ được thiết kế bởi loại nhựa đặc biệt không bị tác động ăn mòn của muối

❑ Thiết bị bảo vệ nhiệt độ và mức nước thấp đảm bảo sự hoạt động liên tục của hệ thống.

❑ Bộ điều khiển nhiệt độ tích hợp bộ điều chỉnh PID

❑ Đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế : ISO 9227, ASTM B117, CNS, JIS, DIN, GB, BS, IEC, MIL, etc.

MODEL	ESS-60	ESS-90	ESS-160
Kích thước trong (W×D×H) mm	600x450x400	900×600×500	1600x1000x500
Kích thước ngoài (W×D×H) mm	1075x630x1100	1415×885×1285	2300x1200x1400
Thí nghiệm phun nước muối	（1）Buồng thí nghiệm : 35ºC±1ºC （2）Bể chứa : 47ºC±1ºC		
Thí nghiệm khả năng chống ăn mòn	（1）Buồng thí nghiệm : 50ºC±1ºC （2）Bể chứa : 63ºC±1ºC		
Nguồn điện	220V 1P 50/60HZ		

2. LÒ SẤY CÔNG NGHIỆP

1. Lò sấy nhiệt độ thấp (Max. 200ºC)

Mô tả :

Áp dụng cho các mục đích khác nhau như gia nhiệt trước, làm bánh, sấy, hút ẩm, thử nghiệm trong các lĩnh vực khác nhau như thực phẩm, dược phẩm, công nghiệp hóa chất, điện tử, điện, xi mạ, nhựa,, in ấn, nướng men, v…v…

Đặc tính :

❑ Hệ thống điều khiển tự động – dễ dàng vận hành, bảo dưỡng và khắc phục sự cố.

❑ Hệ thống gia nhiệt và tuần hoàn khí nóng nằm ngang được thiết kế tối ưu cho phép nhiệt nóng phân bố đều khắp lò và hiệu suất cao..

❑ Lớp cách nhiệt bên trong và ngoài được sử dụng loại bông thủy tinh có độ cách nhiệt cao giảm tối đa lượng nhiệt thất thoát..

❑ Hệ thống khóa cài và khóa an toàn được lắp đặt logic, lớp silicon được sử dụng để tăng độ kín khít của cánh cửa, giảm thiểu tổn thất năng lượng nhiệt.

❑ Bên trong được sản xuất bởi thép không rỉ SUS430, bên ngoài bằng thép SS41 phủ sơn tĩnh điện.

❑ Các chức năng an toàn : Quá nhiệt, quá dòng, motor quá tải ,...

Lựa chọn thêm :

❑ Số lượng giá đỡ, khay trong lò sấy - SUS304 hoặc SSU430.

❑ Bộ ghi nhiệt độ và in giấy.

❑ Đóng cắt bằng bộ SCR thay cho SSR.

1. Lò sấy nhiệt độ thấp (Max. 200ºC)

MODEL	FBL-1	FBL-2	FBL-3
Kích thước trong : (WxDxH) mm	450x400x400	600x500x900	800x600x1000
Kích thước ngoài : (WxDxH) mm	660x520x820	850x650x1650	1050x750x1750
Giới hạn nhiệt độ :	MAX. 200ºC		
Nguồn điện sử dụng :	220V 1P	220V 1P	220V/380V 3P
Công suất tiêu thụ :	2.5 KW	4 KW	6 KW
Hệ thống điều khiển :	P.I.D. Controller; Temperature controller+SSR		
Cửa xả :	Ø 3"	Ø 4"	Ø 4"
Số lượng giá đỡ tối đa :	4	9	10
Số lượng giá đỡ cung cấp	2	4	5
Cửa :	Đơn	Đơn	Đơn
Trọng lượng :	65KGS	180KGS	250KGS
MODEL	FBL-4	FBL-5	FBL-6
Kích thước trong : (WxDxH) mm	1000x600x1000	1200x600x1000	1400x600x1200
Kích thước ngoài : (WxDxH) mm	1250x750x1750	1450x750x1750	1650x750x1950
Giới hạn nhiệt độ :	MAX. 200ºC		
Nguồn điện sử dụng :	220V/380V 3P	220V/380V 3P	220V/380V 3P
Công suất tiêu thụ :	8 KW	10 KW	12 KW
Hệ thống điều khiển :	P.I.D. Controller; Temperature controller+SSR		
Cửa xả :	Ø 4"	Ø 5"	Ø 5"
Số lượng giá đỡ tối đa :	10x2	10x2	12x2
Số lượng giá đỡ cung cấp	10	10	12
Cửa :	Cửa đôi	Cửa đôi	Cửa đôi
Trọng lượng :	300KGS	350KGS	400KGS

2. Lò sấy nhiệt độ cao (Max. 1100ºC)

Mô tả :

Thiết kế cho các ứng dụng ngành nhiệt đặc biệt như : nhiệt luyện,…

Đặc tính :

❑ Vật liệu cách nhiệt cao cấp làm giảm trọng lượng và không gian của buồng sấy.

❑ Vỏ thép không rỉ

❑ Sử dụng thiết bị đóng cắt không tiếp điểm Solid State Relay (SSR) – đảm bảo hiệu suất cũng như đóng ngắt an toàn điện.

❑ Đèn nháy và còi báo khi chu trình sấy hoàn thành

MODEL	FBH-5	FBH-9
Kích thước trong : (WxDxH)	200x250x150mm	230x300x180mm
Kích thước ngoài : (WxDxH)	510x460x620mm	560x490x650mm
Giới hạn nhiệt độ :	MAX. 1100ºC	
Công suất tiêu thụ :	1.8 KW	3 KW
Trọng lượng :	50KGS	60KGS

3. Buồng sấy chân không (Max. 200ºC)

Description

Sử dụng trong các công nghệ sản xuất hóa chất, dược phẩm, linh kiện điện tử, nhựa epoxy, etc đảm bảo tăng tốc độ sấy cũng như giảm các thành phần hóa học trong không khí tác động đến bền mặt của vật phẩm.

Features:

❑ Bề mặt bên trong sử dụng thép không rỉ SUS304 và các thanh cường lực.

❑ Bề mặt bên ngoài làm bằng thép SECC được sơn phủ tĩnh điện.

❑ Sử dụng bộ điều khiển thông minh được cài đặt các thông số P.I.D tự động điều chỉnh nhiệt độ , thiết bị chấp hành SCR.

❑ Đồng hồ chỉ thị áp suất chân không 0-76cmHg.

❑ Cửa kính chị nhiệt kép tăng khả năng cách nhiệt cũng như chị được áp suất và va đập mạnh..

❑ Cửa được dán Silicon tăng độ kín khít, khả năng cách nhiệt, khóa cửa sử dụng kim loại hợp kim.

❑ Hệ thống bơm hút chân không thiết kế và đặt vị trí riêng tách biệt phía dưới.

Optional extras:

❑ Individual heating and temperature control at each layer in chamber.

❑ Anti-oxidization nitrogen device and cooling device.

❑ Experimental benchtop type or floor type.

❑ Degree of vacuum 0.01 ~ 1 torr is available.

MODEL	FVB-45H	FVB-50H	FVB-60H
Kích thước bên trong : (WxDxH) mm	400x450x400	500x500x500	600x600x600
Kích thước bên ngoài : (WxDxH) mm	600x620x1320	960x750x1600	1100x850x1700
Giới hạn nhiệt độ điều chỉnh :	MAX. 200ºC		
Công suất tiêu thụ :	2.5 KW	5 KW	7 KW

MODEL	FVB-80H
Kích thước bên trong : (WxDxH) mm	800x800x800
Kích thước bên ngoài : (WxDxH) mm	1450x1000x1800
Giới hạn nhiệt độ điều chỉnh :	MAX. 200ºC
Công suất tiêu thụ :	10 KW

4. Sấy băng tải (Max. 500ºC)

Đặc tính :

❑ Thiết kế tối ưu không gian tiếp giáp giữ phần tĩnh và phần động của băng tải, giảm thiểu nhiệt thoát ra ngoài.

❑ Kết cấu dễ tháo lắp hỗ trowcj việc bảo dưỡng và thay thế.

❑ Bộ thời gian điều có khả năng điều chỉnh đóng mở liên tục 24h.

❑ Hệ thống cảnh báo quá nhiệt độ.

❑ Bộ điều khiển tốc độ vô cấp cho băng tải thuận tiện cho cài đạt chế độ và linh hoạt cho các vật phẩm sấy khác nhau.

MODEL	FCF-20	FCF-30	FCF-40	FCF-50
Chiều rộng băng tải :	300mm	300mm	400mm	500mm
Chiều dài băng tải :	1500mm	2100mm	2800mm	3500mm
Tốc độ băng tải :	5-50 m/phút	6-60 m/phút	7-70 m/phút	8-80 m/phút
Giới hạn nhiệt độ :	MAX. 500ºC			
Công suất tiêu thụ điện :	16 KW	24 KW	40 KW	56 KW
Kích thước ngoài (LxWxH) mm	2600x900x1420	3200x900x1490	4050x1010x1690	5000x1110x1530
Trọng lượng	470KGS	650KGS	1200KGS	1700KGS

5. Sấy bằng tia cực tím

Mô tả :

Áp dụng đối với ngành công nghiệp in ấn, công nghiệp điện tử, chế biến gỗ, kim loại, thủy tinh công nghiệp, v..v.. Vừa có chức năng sấy vừa có chức năng khử trùng,..

Đặc tính :

- ❑ Sử dụng nhiều loại đèn UV khác nhau phù hợp cho từng loại vật phẩm.
- ❑ Bề mặt bên trong sử dụng thép không rỉ SUS304 và bên ngoài sử dụng thép SS41 sơn phủ tĩnh điện.
- ❑ Thiết bị bảo vệ quá nhiệt, tự động dừng khi động cơ quá tải, đèn báo hiệu, ….

MODEL	FUV-20	FUV-30	FUV-90
Kích thước buồng sấy	400x600x750	700x700x800	900x700x850
Bề mặt sử dụng :	300mm	600mm	800mm
Tốc độ băng tải :	2-20 m/phát (Cure time 5-30 sec. is adjustable by converter)		
Cường độ UV :	60-80watt/cm	60-100 watt/cm	80-120 watt/cm
Bức xạ UV :	UV-C sóng ngắn	UV-A/C sóng dài/ngắn	UV-A/C sóng dài/ngắn
Công suất tiêu thụ :	3.6KWx1pc	3.2KWx3pcs	9KWx3pcs
Không gian trống cao	100-200mm	100-200mm	100-200mm
Làm mát :	Bằng quạt gió tuần hoàn		
Điện áp sử dụng :	220V/380V 1P 50/60HZ	220V/380V 3P 50/60HZ	220V/380V 3P 50/60HZ
Trọng lượng :	350KGS	800KGS	1000KGS

6. Buồng sấy nhiệt độ Max. 500ºC

Mô tả :

Áp dụng cho các mục đích khác nhau như gia nhiệt, làm bánh, sấy, hút ẩm, nhiệt luyện, ủ, thử nghiệm trong các lĩnh vực khác nhau như điện tử, gốm sứ, khuôn mẫu, ô tô, hàng không vũ trụ, sản xuất pha lê, phần cứng, v..v..

Đặc tính :

❑ Nhiệt độ sấy tốt đa 500 độ C.

❑ Bộ điều khiển P.I.D – thiết bị công suất SCR

❑ Kết cấu thép cường lực, thiết kế tối ưu tạo tăng hiệu xuất gia nhiệt cũng như phân bố nhiệt nóng đều.

❑ Sử dụng lớp cách nhiệt bằng gốm thủy tinh nâng cao khả năng cách nhiệt và tăng hiệu suất máy.

❑ Bên trong sử dụng thép không rỉ SUS, bên ngoài sử dụng thép SS41 sơn phủ tĩnh điện.

❑ cánh cửa được gắn lớp gốm thủy tinh tăng độ kín khít đảm bảo độ cứng của cánh cửa. Tăng hiệu suất của thiết bị

6. Buồng sấy nhiệt độ Max. 500ºC

MODEL	FBM-A	FBM-1	FBM-2
Kích thước trong (WxDxH) mm	450x400x400	600x500x500	600x500x900
Kích thước ngoài (WxDxH) mm	1150x730x1400	1300x840x1500	1300x840x2000
Giải nhiệt độ	MAX. 500ºC		
Công suất tiêu thụ	7 KW	12 KW	14 KW
Số giá đỡ tối đa	4	5	9
Số giá đỡ được cung cấp cùng máy	2	2	4
MODEL	FBM-3	FBM-4	FBM-5
Kích thước trong (WxDxH) mm	800x600x1000	1000x800x1000	1000x800x1200
Kích thước ngoài (WxDxH) mm	1520x940 x2100	1750x1180 x2100	1750x1180 x2350
Giải nhiệt độ	MAX. 500ºC		
Công suất tiêu thụ	20 KW	30 KW	35 KW
Số giá đỡ tối đa	10	10	-
Số giá đỡ được cung cấp cùng máy	5	5	-
MODEL	FBM-6	FBM-8	
Kích thước trong (WxDxH) mm	1400x800x1000	1200x1200x1600	
Kích thước ngoài (WxDxH) mm	2150x1200x2200	1950x1580x2850	
Giải nhiệt độ	MAX. 500ºC		
Công suất tiêu thụ	45 KW	55 KW	
Số giá đỡ tối đa	-	-	
Số giá đỡ được cung cấp cùng máy	-	-	

7. Buồng sấy sạch (Max. 300ºC)

Mô tả :

Ứng dụng trong công nghệ sản xuất : Hương liệu thực phẩm, Dược phẩm, fine electronics industry, Chất bán dẫn, IC, etc.

Đặc tính :

❑ bề mặt trong và ngoài được bảo vệ bằng thép không rỉ SUS304.

❑ Các khớp, trục được lắp đặt bảo vệ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh.

❑ Khí Nitrogen được cung cấp nhằm giảm tác hại của tính Oxi hóa từ không khí tự nhiên.

❑ Bộ điều khiển nhiệt độ có chức năng điều chỉnh PID và thiết bị đóng cắt SCR..

❑ Bộ lọc HEPA (DOP test 85%~99.99%), Class 100 có khả năng chị nhiệt độ và độ ẩm cao.

❑ Chức năng cảnh báo và ngắt trạng thái quá nhiệt và quá tải.

❑ Bộ lọc DOP 35%.

❑ Đồng hồ hiển thị áp suất.

MODEL	FCB-60	FCB-80	FCB-100
Kích thước trong (WxDxH)	600x650x650mm	800x800x1000mm	1000x800x1200mm
Kích thước ngoài (WxDxH)	1180x880x1550mm	1200x1050x2000mm	1440x1050x2200mm
Giới hạn nhiệt độ	MAX. 300ºC		
Công suất tiêu thụ	6 KW	10 KW	18 KW
MODEL	FCB-120		
Kích thước trong (WxDxH)	1200x1000x1600mm		
Kích thước ngoài (WxDxH)	1640x1260x2600mm		
Giới hạn nhiệt độ	MAX. 300ºC		
Công suất tiêu thụ	40 KW		

8. Buồng sấy kị khí (Max. 200ºC / 500ºC)

Mô tả :

Áp dụng vào mục đích khác nhau như gia nhiệt trước, nướng bánh, sấy khô, nhiệt luyện, thử nghiệm trong các lĩnh vực khác nhau như kim loại, điện tử, thành phần, phần cứng đòi hỏi điều kiện khắt khe tránh tác dụng oxi hóa, v..v ..

Đặc tính :

❑ Khí Nitro được điền và tuần hoàn trong buồng sấy đảm bảo bồng độ Oxy thấp đảm bảo quá trình gia nhiệt không bị ảnh hưởng Oxi hóa cho vật phẩm có tính kim loại : linh kiện điện tử,...

❑ Bề mặt bên trong sử dụng thép không rỉ SUS304, bên ngoài sử dụng thép SS41 phủ sơn tĩnh điện.

❑ Chức năng bảo vệ quá tải, quá nhiệt.

MODEL	FAB-201	FAB-202	FAB-201H
Kích thước trong (W×D×H) mm	610x600x600	700x800x560	610x600x600
Kích thước ngoài (W×D×H) mm	1390x750x880	1490x950x1800	1650x950x1080
Giới hạn nhiệt độ :	MAX. 200ºC	MAX. 200ºC	MAX. 500ºC
Điện áp	220V/380V 1P	220V/380V 3P	220V/380V 3P
Công suất tiêu thụ	4 KW	12 KW	8 KW
Hệ thống ĐK	K-TYPE/SSR	K-TYPE/SSR	K-TYPE/SSR/SCR
Sai lệch nhiệt độ ;	±1.5ºC~2.5ºC		
Đường ống Nitrogen/Air	Ø 8mm		
Đường xả	Ø 4"		
Cửa mở	Đơn	Kép	Đơn
Trọng lượng :	350KGS	700KGS	400KGS

9. Sấy băng tải – Hồng ngoại (Max. 200ºC)

Mô tả :

Áp dụng vào mục đích khác nhau như : khử nước, sấy khô cho sản phẩm in lụa, in trên nhựa, nhiệt bao bì màng co, làm cứng keo, hàn thiếc nóng, nóng sơ bộ để sản xuất phần cứng, làm bánh, vv

Đặc tính :

❑ Có khả năng kết nối đồng bộ với các thiết bị khác thành dây chuyền tự động, đồng bộ

❑ Khả năng điều chỉnh tốc độ rộng rãi và tự động dừng khi không có vật phẩm sấy.

❑ Nhiều bộ gia nhiệt làm việc độc lập và được đóng ngắt bởi bộ điều khiển trung tâm, tăng hiệu suất sử dụng nhiệt.

❑ Thiết kế tối ưu hỗ trợ việc lắp đặt cũng như sửa chữa dễ dàng, đảm đảm bảo nhiệt bị thất thoát thấp nhất ra ngoài.

MODEL	FIR-60	FIR-80	FIR-100
Chiều rộng băng tải	600mm	800mm	600mm
Bề mặt cửa vào	600mm	1000mm	600mm
Chiều dài sấy	4600mm	6000mm	8400mm
Cửa ra	800mm	1000mm	1000mm
Kích thước bên ngoài (LxWxH)	6000x900 x1600mm	8000x1100 x1600mm	10000x900 x1600mm
Dải nhiệt độ điều chỉnh	MAX. 200ºC		
Công suất tiêu thụ	20 KW	30 KW	28 KW
MODEL	FIR-120	FIR-150	
Chiều rộng băng tải	800mm	600mm	
Bề mặt cửa vào	1000mm	600mm	
Chiều dài sấy	10000mm	13800mm	
Cửa ra	1000mm	600mm	
Kích thước bên ngoài (LxWxH)	12000x1100 x1600mm	15000x900 x1600mm	
Dải nhiệt độ điều chỉnh	MAX. 200ºC		
Công suất tiêu thụ	40 KW	56 KW	